

Bản án số: **15** /2025/HNGĐST
Ngày 13-3-2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2024/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST–HNGĐ, ngày 21 tháng 2 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N** – sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành K** – sinh năm 1990 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà B, đường C, Khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim N** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Thành K** chung sống với nhau năm 2009, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng không có tổ chức

đám cưới theo phong tục của địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, không thể tự giải quyết. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung: Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 11/9/2011. Hiện cháu đã có giấy khai sinh và sống chung với cha.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành K.

Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 11/9/2011 cho anh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thành K trình bày:** Anh K thống nhất với lời trình bày của chị N về năm chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, không đăng ký kết hôn, có một người con chung, không có tài sản và nợ chung là đúng.

Nay anh K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N và không công nhận chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Thành K là vợ chồng .

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 11/09/2011 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị N, anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử miễn xét.

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị N được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Nguyễn Thành K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh K vắng mặt có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị N yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành K.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K.

Chị N và anh K chung sống với nhau vào 2001, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[2] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chung sống với nhau được 01 người con chung là Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 11/9/2011. Theo biên bản tiếp xúc, ghi

nhận nguyện vọng cháu D thì nguyện vọng của cháu được ở với cha nên Chị N, anh K thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoàng D cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N, anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Thành K là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 11/09/2011 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007056, ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Thành K có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Thạnh Đông;
- UBND TT.Tân HIệp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Đạo